

BẢNG QUYỀN LỢI



Chỉ từ
3.905.000 VNĐ/năm



Tổng quyền lợi bảo hiểm
400.000.000 VNĐ

Đơn vị tính: VNĐ

I. QUYỀN LỢI CHÍNH			
1	QUYỀN LỢI TAI NẠN		
a	Tử vong/ Thương tật vĩnh viễn		100.000.000
	Tử vong/ Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	Giới hạn/năm	100% STBH
	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Giới hạn/năm	% Tỷ lệ thương tật
b	Chi phí điều trị do nguyên nhân tai nạn	Giới hạn/năm	50.000.000
2	QUYỀN LỢI NÀM VIỆN VÀ PHẪU THUẬT DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT		
	Số tiền bảo hiểm tối đa/người	Giới hạn/năm	250.000.000
a	Chi phí tiền giường/tiền phòng (tối đa 60 ngày/ năm)	Giới hạn/ngày	1.500.000
b	Chỗ ở cho người nhà Giường phụ trong cùng phòng cho người nhà đi theo khi người được bảo hiểm nằm viện (tối đa 30 ngày/năm).	Giới hạn/ngày	N/A
c	Chi phí viện phí tổng hợp khác (áp dụng cả điều trị trong ngày và nội trú; không bao gồm điều trị, chăm sóc đặc biệt (ICU/HDU))	Giới hạn/năm	250.000.000
d	Chi phí phẫu thuật (không bao gồm thủ thuật/phẫu thuật trong ngày với mục đích chuẩn đoán bệnh)	Giới hạn/năm	250.000.000
e	Điều trị chăm sóc đặc biệt (ICU/HDU) (tối đa 30 ngày/ năm)	Giới hạn/ngày	12.500.000
f	Chi phí điều trị trước khi nhập viện Chi phí khám, xét nghiệm, điều trị trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện	Giới hạn/năm	5.000.000
g	Chi phí sau khi xuất viện Chi phí điều trị tiếp tục trong vòng 30 ngày sau khi xuất viện	Giới hạn/năm	5.000.000
h	Trợ cấp trong trường hợp Người được bảo hiểm nằm viện điều trị đột quỵ	Giới hạn/năm	10.000.000
i	Trợ cấp tại Bệnh viện công (không bao gồm điều trị tại khoa dịch vụ, tự nguyện, quốc tế, theo yêu cầu...)	Giới hạn/ngày	125.000
	II. QUYỀN LỢI BỔ SUNG		
1	ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT		
	Số tiền bảo hiểm tối đa/người/năm	Giới hạn/năm	15.000.000
a	Trường hợp khám, điều trị không có phẫu thuật:	Giới hạn/lần khám	2.550.000
b	Trường hợp khám, điều trị có phẫu thuật:	Giới hạn/lần khám	3.300.000
c	Điều trị theo phương pháp Đông y, vật lý trị liệu, trị liệu thần kinh cột sống, trị liệu bức xạ, liệu pháp ánh sáng	Giới hạn/năm	1.000.000
d	Khám sức khỏe miễn phí (01 lần/năm): Trường hợp không phát sinh bồi thường trong năm hợp đồng	Giới hạn/ngày	100.000
e	Chi phí tiêm vắc xin: Trường hợp không phát sinh bồi thường trong năm hợp đồng	Giới hạn/năm	600.000
2	QUYỀN LỢI THAI SẢN		
a	- Sinh con (sinh thường hoặc sinh mổ, sinh khó bằng các can thiệp chuyên môn, sinh non) - Bất thường trong quá trình mang thai; Bệnh lý phát sinh nguyên nhân do thai kỳ; Tai biến sản khoa.	Giới hạn/năm	25.000.000
b	Mở rộng bảo hiểm miễn phí cho trẻ sơ sinh từ 15 ngày tuổi trong trường hợp: - Bố và mẹ có hợp đồng bảo hiểm sức khỏe One Care đang còn hiệu lực; hoặc - Mẹ tham gia bảo hiểm có quyền lợi thai sản được tái tục từ năm thứ 2 trở lên.	Giới hạn/năm	8.000.000
3	QUYỀN LỢI NHA KHOA		
	- Chi phí khám, chụp X-Quang, kiểm tra răng - Chi phí cạo vôi, đánh bóng răng (01 lần/năm/người) - Các chi phí điều trị răng khác như: nhổ răng bệnh lý, chữa tủy răng, điều trị viêm nha chu, viêm nướu, lấy chân răng/răng mọc dưới nướu, trám răng bằng các chất liệu thông thường, phẫu thuật cắt chóp răng, lấy u lợi răng.	Giới hạn/năm	5.000.000
4	QUYỀN LỢI SINH MẠNG CÁ NHÂN		
	Tử vong/ Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản (được phép lựa chọn số tiền bảo hiểm của các gói khác)	Giới hạn/năm	75.000.000

Lưu ý:

- Đồng chi trả khi điều trị tại các cơ sở y tế ngoài công lập, các khoa điều trị dịch vụ/tự nguyện/theo yêu cầu/quốc tế của cơ sở y tế công lập cho trường hợp sau:
- Trẻ em đến 6 tuổi: đồng chi trả 20/80 (Bảo Long chi trả 80%). Riêng chi phí tiền giường/phòng/chỗ ở cho người nhà không áp dụng đồng chi trả khi điều trị nội trú do ốm bệnh.
 - Chăm sóc thai sản: đồng chi trả 30/70 (Bảo Long chi trả 70%)
 - Nha khoa: đồng chi trả 20/80 (Bảo Long chi trả 80%)
 - Điều trị tại tạo dây chằng, rách sụn chêm: đồng chi trả 30/70 (Bảo Long chi trả 70%)

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM (*)



(Đơn vị tính: VNĐ)

GÓI THU	
PHÍ BẢO HIỂM QUYỀN LỢI CHÍNH	
Từ 15 ngày tuổi đến dưới 1 tuổi	10.865.000
Từ 1 đến 3 tuổi	7.385.000
Từ 4 đến 6 tuổi	4.601.000
Từ 7 đến 9 tuổi	4.262.000
Từ 10 đến 18 tuổi	4.079.000
Từ 19 đến 30 tuổi	3.905.000
Từ 31 đến 40 tuổi	4.253.000
Từ 41 đến 50 tuổi	4.427.000
Từ 51 đến 60 tuổi	4.601.000
Từ 61 đến 65 tuổi	4.949.000
Từ 66 đến 70 tuổi	6.434.000
PHÍ BẢO HIỂM QUYỀN LỢI BỔ SUNG	
ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ DO ỐM BỆNH, TAI NẠN	
Từ 15 ngày tuổi đến dưới 1 tuổi	10.764.000
Từ 1 đến 3 tuổi	8.280.000
Từ 4 đến 6 tuổi	4.968.000
Từ 7 đến 9 tuổi	4.565.000
Từ 10 đến 18 tuổi	4.347.000
Từ 19 đến 30 tuổi	4.140.000
Từ 31 đến 40 tuổi	4.554.000
Từ 41 đến 50 tuổi	4.761.000
Từ 51 đến 60 tuổi	4.968.000
Từ 61 đến 65 tuổi	5.382.000
Từ 66 đến 70 tuổi	6.997.000
NHA KHOA	
Từ 1 đến 65 tuổi	2.000.000
Từ 66 đến 70 tuổi	2.600.000
THAI SẢN	
Từ 18 đến 45 tuổi	7.333.000
SINH MẠNG CÁ NHÂN	
	222.000
(*) Chương trình ưu đãi giảm phí cho nhóm gia đình và doanh nghiệp. Chi tiết vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh	